

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 05 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch	
Ông Hoàng Thuyền	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Thành viên	Miễn nhiệm tháng 5/2015
Ông Đào Đình Đề	Thành viên	
Ông Liu Chien Hung	Thành viên	
Ông Trần Kỳ Hạnh	Thành viên	Bỏ nhiệm tháng 5/2015

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thuyền	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯỞNG

Số: 16.105/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 01 năm 2016 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2016



DẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.826.482.127	50.629.340.075
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.829.602.677	6.203.260.003
1. Tiền	111		4.829.602.677	4.203.260.003
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.700.000.000	5.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.700.000.000	5.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.049.349.278	23.701.466.731
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	18.562.882.096	19.085.527.204
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.155.593.534	22.265.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.082.868.660	8.310.468.027
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.751.995.012)	(3.716.793.500)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	14.247.530.172	14.988.792.536
1. Hàng tồn kho	141		14.501.336.061	15.242.598.425
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(253.805.889)	(253.805.889)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	35.820.805
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	35.820.805
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.868.690.936	11.204.282.445
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		335.316.150	335.316.150
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	335.316.150	335.316.150
II. Tài sản cố định	220		9.036.782.310	5.451.351.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	9.036.782.310	5.451.351.915
- Nguyên giá	222		24.598.850.361	19.413.777.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.562.068.051)	(13.962.426.062)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	5.019.000.000	5.019.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.019.000.000	5.019.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		477.592.476	398.614.380
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		337.592.476	398.614.380
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		140.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		63.695.173.063	61.833.622.520

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.278.757.057	33.619.467.994
I. Nợ ngắn hạn	310		32.661.881.297	32.952.592.234
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	8.408.809.536	10.774.614.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		302.503.354	118.820.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.304.094.285	629.413.466
4. Phải trả người lao động	314		5.202.474.845	3.843.122.559
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	6.053.545.000	4.264.489.783
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	143.484.333	922.274.978
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	9.682.340.935	10.792.069.369
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.564.629.009	1.607.786.798
II. Nợ dài hạn	330		616.875.760	666.875.760
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	616.875.760	516.875.760
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	150.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.416.416.006	28.214.154.526
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	30.416.416.006	28.214.154.526
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.842.933.291	7.754.816.087
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.873.102.715	3.758.958.439
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		392.672.657	705.212.676
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.480.430.058	3.053.745.763
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		63.695.173.063	61.833.622.520

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TRỊNH MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	143.196.394.275	135.769.967.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	653.349.662	10.230.382.720
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.543.044.613	125.539.585.042
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	102.320.230.769	91.840.017.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.222.813.844	33.699.567.773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	820.334.103	550.532.017
7. Chi phí tài chính	22	6.5	4.690.607.410	3.688.252.826
Trong đó, chi phí lãi vay	23		824.239.978	673.250.878
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	13.941.093.704	9.589.486.185
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	13.694.127.435	12.045.286.831
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.717.319.398	8.927.073.948
11. Thu nhập khác	31	6.8	477.848.832	384.800.413
12. Chi phí khác	32	6.9	466.888.428	288.628.596
13. Lợi nhuận khác	40		10.960.404	96.171.817
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.728.279.802	9.023.245.765
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	2.210.136.744	2.768.922.271
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.12	(140.000.000)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.658.143.058	6.254.323.494
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.13.4	3.269	3.281
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.269	3.281

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

HUỖNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.728.279.802	9.023.245.765
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.828.431.037	1.669.365.253
Các khoản dự phòng	03		(964.798.488)	491.180.650
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(929.314.538)	(578.668.910)
Chi phí lãi vay	06		824.239.978	673.250.878
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.486.837.791	11.278.373.636
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.652.736.746	(4.895.504.398)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		741.262.364	(2.958.123.344)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		425.172.435	8.001.938.650
Tăng giảm chi phí trả trước	12		61.021.904	(96.930.013)
Tiền lãi vay đã trả	14		(824.239.978)	(673.250.878)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.986.840.891)	(3.132.630.767)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.748.011.209)	(1.073.592.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.807.939.162	6.450.280.886
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.413.861.432)	(1.745.918.871)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		120.000.000	35.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.700.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		809.314.538	542.759.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.484.546.894)	(6.867.249.961)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	62.469.125.706	49.995.845.842
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(63.585.204.700)	(50.517.042.813)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(2.580.970.600)	(3.491.901.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.697.049.594)	(4.013.098.371)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(373.657.326)	(4.430.067.446)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.203.260.003	10.633.327.449
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5.829.602.677	6.203.260.003

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TRỊNH MINH TRƯỞNG

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai). Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 05 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 230 nhân viên (31/12/2014: 222 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo;
- Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo;
- Dịch vụ thi công về sơn;
- Xây dựng nhà các loại và các công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Bắc Ninh	Khu Công Nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm, Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới**

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.21.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2015
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 18 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả***Chi phí phải trả***

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như trích trước thưởng doanh số cho đại lý, trích trước chi phí khuyến mãi... được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.12. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	8.310.468.027	8.030.892.464
Tài sản ngắn hạn khác	-	279.575.563
Phải thu dài hạn khác	335.316.150	-
Tài sản dài hạn khác	-	335.316.150

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.281	4.120

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	1.126.203.593	2.087.204.371
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.703.399.084	2.116.055.632
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	5.829.602.677	6.203.260.003

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 5,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		VND Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP đầu tư Nhơn Trạch	819.000.000	819.000.000	819.000.000	819.000.000
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
Cộng	5.019.000.000	5.019.000.000	5.019.000.000	5.019.000.000

5.3. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Đại Lý Sương	2.329.593.078	1.747.538.053
Công Ty TNHH TM Sơn Việt Mỹ	2.302.251.039	961.449.165
Các khách hàng khác	13.931.037.979	16.376.539.986
Cộng	18.562.882.096	19.085.527.204

5.4. Phải thu khác

	Cuối năm		VND Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu tiền gia công	4.980.149.735	-	6.243.084.469	-
Tạm ứng	157.603.273	-	279.575.563	-
Phải thu khác	945.115.652	-	1.787.807.995	-
Cộng	6.082.868.660	-	8.310.468.027	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	335.316.150	-	335.316.150	-
Cộng	335.316.150	-	335.316.150	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.5. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.751.995.012	-	3.758.362.352	41.568.852	
Cộng	2.751.995.012	-	3.758.362.352	41.568.852	

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn
CH Nguyễn Văn San	1.096.000.000	Trên 3 năm	1.096.000.000	Trên 3 năm
Công Ty TNHH TM & XD Minh Khôi	367.017.470	Trên 3 năm	367.017.470	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM XS Tâm Thành Long	276.885.274	Trên 3 năm	276.885.274	Trên 3 năm
Các khách hàng khác (Còn lại)	1.012.092.268	Trên 3 năm	2.018.459.608	Từ 2 – 3 năm
Cộng	2.751.995.012		3.758.362.352	

5.6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	7.763.742.718	(253.805.889)	7.744.536.567	(253.805.889)	
Công cụ, dụng cụ	617.927.060	-	641.517.221	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	657.914.318	-	646.129.250	-	
Thành phẩm	5.353.546.330	-	6.209.434.182	-	
Hàng hóa	39.920	-	981.205	-	
Hàng gửi đi bán	108.165.715	-	-	-	
Cộng	14.501.336.061	(253.805.889)	15.242.598.425	(253.805.889)	

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 14.247.530.172 VND – Xem thêm mục 5.8.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	5.675.285.703	8.658.709.804	4.947.521.925	132.260.545	19.413.777.977
Mua trong năm	688.699.168	3.232.882.583	1.492.279.681	-	5.413.861.432
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(228.789.048)	-	(228.789.048)
Số dư cuối năm	6.363.984.871	11.891.592.387	6.211.012.558	132.260.545	24.598.850.361
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	4.999.552.121	5.776.485.429	3.091.148.733	95.239.779	13.962.426.062
Khấu hao trong năm	237.373.989	1.028.612.988	538.267.096	24.176.964	1.828.431.037
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(228.789.048)	-	(228.789.048)
Số dư cuối năm	5.236.926.110	6.805.098.417	3.400.626.781	119.416.743	15.562.068.051
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	675.733.582	2.882.224.375	1.856.373.192	37.020.766	5.451.351.915
Tại ngày cuối năm	1.127.058.761	5.086.493.970	2.810.385.777	12.843.802	9.036.782.310

Máy móc thiết bị và nhà xưởng sản xuất sơn đã khấu hao hết, được định giá lại và thế chấp cho các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.517.317.950 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.8. Vay

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	9.682.340.935	9.682.340.935	62.475.476.266	63.585.204.700	10.792.069.369	10.792.069.369	
Cộng	9.682.340.935	9.682.340.935	62.475.476.266	63.585.204.700	10.792.069.369	10.792.069.369	

Vay ngắn hạn là các khoản vay ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất bình quân là 4,5%/năm đối với USD và 6,5%/năm đối với VND được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Máy móc, thiết bị trị giá 115.000.000 đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 01/SĐN/2011/BBĐGL2 ngày 16/11/2014 - Xem thêm mục 5.7.
- Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn các loại trị giá 356.000.000 đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 02/SĐN/2010/BBĐGL3 ngày 16/11/2014 - Xem thêm mục 5.7.
- Toàn bộ hàng tồn kho trị giá tối thiểu là 10 tỷ đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 03/SĐN/2012/BBĐGL1 ngày 16/11/2014 - Xem thêm mục 5.6.
- Các khoản phải thu khách hàng của Công ty với trị giá ít nhất 700.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.9. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:					
Công ty TNHH PNP CHEMITECH	1.203.843.004	1.203.843.004	1.926.233.925	1.926.233.925	
Maha Chemicals (Asia) Pte Ltd	1.082.641.280	1.082.641.280	598.655.040	598.655.040	
Phải trả cho các đối tượng khác	6.122.325.252	6.122.325.252	8.249.726.017	8.249.726.017	
Cộng	8.408.809.536	8.408.809.536	10.774.614.982	10.774.614.982	

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	463.403.800	29.990.325.765	29.747.391.412	706.338.153
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.191.229.376	2.191.229.376	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.505.951	2.473.332.957	2.069.979.546	424.859.362
Thuế thu nhập cá nhân	144.503.715	684.302.817	655.909.762	172.896.770
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	629.413.466	35.342.190.915	34.667.510.096	1.304.094.285

5.11. Chi phí phải trả

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Trích trước tiền thưởng doanh số đại lý	2.851.066.000	1.716.967.964
Trích trước chi phí chương trình khuyến mãi phải trả	615.899.000	1.183.074.116
Trích trước chi phí điện tại phân xưởng AMATA	-	117.503.803
Trích trước chi phí Hội nghị Khách Hàng	2.000.000.000	360.000.000
Các khoản trích trước khác	586.580.000	886.943.900
Cộng	6.053.545.000	4.264.489.783

5.12. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	26.111.541	33.932.776
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.008.870	19.008.870
Phải trả tiền thuê nhà xưởng CN Bắc Ninh cho PPG	-	710.290.383
Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.363.922	159.042.949
Cộng	143.484.333	922.274.978
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	616.875.760	516.875.760
Cộng	616.875.760	516.875.760

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.182.180.000	7.151.397.358	1.408.493.718	3.182.539.676	26.924.610.752
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.254.323.494	6.254.323.494
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2013	-	-	-	(334.729.795)	(334.729.795)
Hoàn nhập quỹ DPTC đã trích năm 2013	-	(334.729.795)	-	334.729.795	-
Chia cổ tức	-	-	-	(2.277.327.000)	(2.277.327.000)
Ứng hộ biến đảo theo NQ số 25/2014/NQ-HĐQT ngày 12/8/14	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu năm 2014	-	938.148.524	109.706.282	(1.047.854.806)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014	-	-	-	(938.148.525)	(938.148.525)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.214.574.400)	(1.214.574.400)
Số dư đầu năm nay	15.182.180.000	7.754.816.087	1.518.200.000	3.758.958.439	28.214.154.526
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.658.143.058	6.658.143.058
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014	-	-	-	(494.861.920)	(494.861.920)
Trích bổ sung quỹ ĐTPT năm 2014	-	110.395.704	-	(110.395.704)	-
Trích quỹ ĐTPT năm 2015	-	977.721.500	-	(977.721.500)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015	-	-	-	(1.199.991.500)	(1.199.991.500)
Nộp thuế thu nhập năm 2011, 2012 theo QĐ số 290/QĐ-CT ngày 21/05/2015	-	-	-	(180.057.558)	(180.057.558)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.580.970.600)	(2.580.970.600)
Số dư cuối năm nay	15.182.180.000	8.842.933.291	1.518.200.000	4.873.102.715	30.416.416.006

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
Cộng	15.182.180.000	15.182.180.000

5.13.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	1.518.218	1.518.218

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.13.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty (sau khi trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	4.963.289.638	4.981.445.174
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.518.218	1.518.218
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần	3.269	3.281

5.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Đơn vị tính	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ:			
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:	VND	-	415.074.833
		Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
USD		740,02	739,48
		Cuối năm	VND Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý:			
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2012		260.051.215	260.051.215
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 23/07/2013		333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2015		1.111.934.750	-
Tổng cộng		1.705.872.469	593.937.719

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán hàng	142.274.379.518	130.383.798.277
Doanh thu cung cấp dịch vụ	922.014.757	5.386.169.485
Cộng	143.196.394.275	135.769.967.762

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	VND Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	9.625.139.630
Hàng bán bị trả lại	653.349.662	605.243.090
Cộng	653.349.662	10.230.382.720

6.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	101.512.910.931	88.400.113.293
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	807.319.838	3.439.903.976
Cộng	102.320.230.769	91.840.017.269

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	431.411.558	542.759.819
Cổ tức, lợi nhuận được chia	377.902.980	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.656.400	3.461.040
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.363.165	4.311.158
Cộng	820.334.103	550.532.017

6.5. Chi phí tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền vay	824.239.978	673.250.878
Chiết khấu thanh toán	3.814.513.851	3.002.547.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.853.581	12.454.305
Cộng	4.690.607.410	3.688.252.826

6.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	992.791.668	1.118.157.547
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	87.771.872	85.103.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	502.255.979	303.725.199
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	7.594.285.397	6.615.046.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.948.319	311.950.505
Chi phí bằng tiền khác	4.303.040.469	1.155.502.650
Cộng	13.941.093.704	9.589.486.185

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.939.653.745	6.711.723.809
Chi phí vật liệu quản lý	449.029.572	500.497.455
Chi phí đồ dùng văn phòng	171.114.669	349.913.745
Chi phí khấu hao TSCĐ	204.183.324	204.183.324
Thuế, phí và lệ phí	233.554.540	161.002.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	588.263.354	631.104.653
Chi phí bằng tiền khác	4.108.328.231	3.486.861.272
Cộng	13.694.127.435	12.045.286.831

6.8. Thu nhập khác

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	120.000.000	35.909.091
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	311.745.568	294.485.817
Tiền phạt thu được	-	18.000.000
Thu nhập khác	46.103.264	36.405.505
Cộng	477.848.832	384.800.413

6.9. Chi phí khác

	Năm nay	VND Năm trước
Xử lý hao hụt vật tư thiếu	285.194.638	211.787.583
Các khoản bị phạt	120.146.024	60.797.174
Các khoản khác	61.547.766	16.043.839
Cộng	466.888.428	288.628.596

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.967.793.207	57.697.193.586
Chi phí nhân công	23.507.541.772	21.593.532.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.828.431.037	1.669.365.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.333.663.282	24.168.379.377
Chi phí khác bằng tiền	11.472.978.541	8.669.226.411
Cộng	129.110.407.839	113.797.696.639

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.210.136.744	2.768.922.271
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.210.136.744	2.768.922.271

6.12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	VND
Số dư đầu năm nay	Chi phí trích trước
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm nay	(140.000.000)
Số dư cuối năm nay	(140.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Là tiền thu từ đi vay theo các kế ước thông thường.

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại
- Dịch vụ gia công
- Hoạt động khác

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					VND	
	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	97.210.497.280	81.670.069.874	44.410.532.576	38.483.345.683	142.543.044.613	125.539.585.042
Từ khách hàng bên ngoài	-	-	-	-	-	-
Giữa các bộ phận Cộng	97.210.497.280	81.670.069.874	44.410.532.576	38.483.345.683	142.543.044.613	125.539.585.042
Kết quả hoạt động kinh doanh	5.363.389.181	5.090.361.057	7.109.508.605	5.937.259.100	12.587.592.705	12.064.794.757
Kết quả của bộ phận					820.334.103	550.532.017
Thu nhập tài chính					(4.690.607.410)	(3.688.252.826)
Chi phí tài chính					477.848.832	384.800.413
Thu nhập khác					(466.888.428)	(288.628.596)
Chi phí khác					8.728.279.802	9.023.245.765
Lợi nhuận trước thuế					(2.210.136.744)	(2.768.922.271)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					140.000.000	-
					6.658.143.058	6.254.323.494

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các thông tin khác

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	39.618.995.881	35.911.904.236	6.595.599.358	7.703.521.619	19.219.955	257.976.242	46.233.815.194	43.873.402.097
Tài sản không phân bổ							17.461.357.869	17.960.220.423
Tổng tài sản							63.695.173.063	61.833.622.520
	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Nợ phải trả của bộ phận	18.537.138.158	21.897.489.245	-	710.290.383	-	-	18.537.138.158	22.607.779.628
Nợ phải trả không phân bổ								
Tổng nợ phải trả							14.806.467.054	11.011.688.366
							33.343.605.212	33.619.467.994

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản	5.413.861.432	1.745.918.871	-	-	-	-	5.413.861.432	1.745.918.871
Chi phí khấu hao	1.394.459.342	1.136.174.246	433.971.695	533.191.007	-	-	1.828.431.037	1.669.365.253

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)
2. Ông Trịnh Minh Trương

Mối quan hệ

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Tổng giám đốc Công ty

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Trả cổ tức Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	774.291.180	1.214.574.400

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	217.476.000	231.996.000
Thu nhập Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác	847.885.543	796.391.794
Cộng	1.065.361.543	1.028.387.794

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất
- + Rủi ro tiền tệ
- + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.829.602.677	6.203.260.003
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.126.352.969	21.947.134.323
Đầu tư ngắn hạn	5.700.000.000	5.700.000.000
Đầu tư dài hạn khác	5.019.000.000	5.019.000.000
Tổng cộng	37.674.955.646	38.869.394.326
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.682.340.935	10.792.069.369
Phải trả người bán và phải trả khác	9.044.694.166	12.020.789.995
Chi phí phải trả	6.053.545.000	4.264.489.783
Tổng cộng	24.780.580.101	27.077.349.147

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	31/12/2015	31/12/2014
Tiền và tương đương tiền	5.829.602.677	6.203.260.003
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.126.352.969	21.947.134.323
Cộng	26.955.955.646	28.150.394.326

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.5 cung cấp những phân tích về dự phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	VND		
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Chi phí phải trả
Dưới 01 năm	9.682.340.935	8.427.818.406	5.353.545.000
Từ 1 – 3 năm	-	616.875.760	700.000.000
Số dư ngày 31/12/2015	9.682.340.935	9.044.694.166	6.053.545.000
			24.780.580.101

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

	Vay và nợ	Nợ phải trả	Chi phí phải trả	VND Cộng
Dưới 01 năm	10.792.069.369	11.503.914.235	4.264.489.783	26.560.473.387
Từ 1 – 3 năm	-	516.875.760	-	516.875.760
Số dư ngày 31/12/2014	10.792.069.369	12.020.789.995	4.264.489.783	27.077.349.147

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

	VND 31/12/2015	VND 31/12/2014
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	9.682.340.935	10.792.069.369

Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 92.000.000 VND.

Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Như được nêu trong chính sách quản lý rủi ro tài chính của Công ty đã được HĐQT phê duyệt, Công ty chỉ đầu tư các thanh khoản tạm thời nhân rồi vào cổ phiếu và các công cụ tương tự. Công ty bị cấm đầu tư vào các công cụ phái sinh nhằm mục đích đầu cơ.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 01 năm 2016.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯƠNG